

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 37/2018/DS-ST.

Ngày 16/7/2018

V/v Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Tuyết Mai.*

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Tô Đình Trị.

+ Ông Nguyễn Công Phúc.

- *Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Quốc – Thư ký Tòa án.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai.*

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện T, Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 24/2018/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2018 về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1978. Có mặt.

Trú tại: Tổ 10, thôn 3, xã B, huyện T, Quảng Nam.

- *Bị đơn:* Ông Dương Minh Nhựt, sinh năm 1983. Có mặt.

Trú tại: Tổ 6, thôn Quý Mỹ, xã B, huyện T, Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn – bà Nguyễn Thị P trình bày như sau:

Tôi và ông Dương Minh N có quan hệ mua bán cỏ gừng từ đầu năm 2018. Trong quá trình làm ăn thì ông N có mượn của tôi số tiền là 25.600.000 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng y) và hẹn đến 15/3/2018 sẽ trả xong số tiền trên. Mặc dù tôi đã nhiều lần đòi nợ nhưng đến nay ông N vẫn chưa trả xong số tiền trên. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N phải trả số tiền trên cho tôi và tôi không yêu cầu tính lãi.

Riêng về việc ông N cho rằng tôi có hứa sẽ cho lại ông N số tiền là 7.500.000 đồng là không có, vì không có lý do gì tôi phải cho ông N số tiền trên. Ngoài ra, ông N nói là tôi thuê người đánh ông N, ép ông phải viết giấy nhận nợ thì ông phải có chứng cứ chứng minh sự việc trên, bản thân tôi không có làm việc này.

Bị đơn ông Dương Minh N tại bản tự khai và trong qua trình giải quyết trình bày như sau:

Tôi thừa nhận giữa tôi và bà Nguyễn Thị P có quan hệ mua bán làm ăn với nhau và tôi có mượn bà P số tiền là 25.600.000 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm

ngàn đồng y). Tuy nhiên, bà P có thỏa thuận miệng là cho lại tôi số tiền là 7.500.000 đồng, còn lại tôi phải trả cho bà P số tiền là 19.100.000 đồng. Ngoài ra bà P còn thuê người đánh tôi, ép tôi phải viết giấy nhận nợ, hiện nay tôi còn đau, sức khỏe yếu nên chưa đi làm được để trả tiền cho bà P. Vì vậy, khi nào khỏi bệnh, đi làm được có tiền thì tôi sẽ trả cho bà P.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 280 Bộ Luật dân sự, buộc ông Dương Minh N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền là 25.600.000 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng y). Về lãi suất bà P không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và bị đơn ông Dương Minh N có mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:* Giữa bà Nguyễn Thị P và ông Dương Minh N có mối quan hệ mua bán cỏ gừng với nhau từ đầu năm 2018 theo như thừa nhận của bà Phi và ông N. Quá trình làm ăn thì ông N có hện nợ của bà P số tiền là 25.600.000 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng y) và hện đến 15/3/2018 sẽ trả xong số tiền trên, nhưng đến thời điểm bà P khởi kiện ra Tòa thì ông N vẫn chưa trả xong số tiền trên là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo như đã cam kết với bà P.

Việc hện nợ tiền này được lập thành văn bản ngày 05/3/2018 là bảo đảm theo quy định của pháp luật. Bản thân ông N khi làm việc vẫn thừa nhận mình có nợ số tiền trên là đúng và chữ ký trong giấy hện nợ tiền là của ông. Tuy nhiên ông cho rằng bà P còn thuê người đánh ông, ép ông phải viết giấy nhận nợ, nhưng ông không có chứng cứ gì chứng minh đối với lời khai trên, bản thân ông cũng không có yêu cầu phản tố, không đề nghị Tòa án tiến hành xác minh hay thu thập chứng cứ gì thêm, vì vậy lời khai trên của ông là không có căn cứ, bản thân bà P cũng không thừa nhận vấn đề này.

Tại bản tự khai và các phiên hòa giải, ông N cho rằng bà P có thỏa thuận miệng là cho lại ông số tiền là 7.500.000 đồng, còn lại ông phải trả cho bà P số tiền là 19.100.000 đồng. Tuy nhiên ông cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc trên, bản thân bà P cũng không thừa nhận vấn đề này. Tại phiên tòa, ông N chỉ thừa nhận trả cho bà P số tiền 15.100.000 đồng (Mười lăm triệu một trăm ngàn đồng y).

Từ những phân tích trên, xét thấy việc khởi kiện “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” của bà Nguyễn Thị P yêu cầu buộc ông Dương Minh N phải trả cho bà số tiền còn nợ là 25.600.000 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng y) là có căn cứ, đúng pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Ông Dương Minh N phải chịu 640.000 đồng

(Sáu trăm bốn mươi ngàn đồng y) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 640.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi ngàn đồng y) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0020644 ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 280, Điều 351, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Buộc ông Dương Minh N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền là 25.600.000 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng y).

Trường hợp ông Dương Minh N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Dương Minh N phải chịu 640.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi ngàn đồng y) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 640.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi ngàn đồng y) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0020644 ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện T
- Cơ quan THADS huyện T
- Các đương sự
- Lưu HS

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Quách Thị Tuyết Mai